



THỰC THI VÀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI VIỆT NAM

ThS. NGUYỄN THỊ THU HOÀN - Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh

Bài viết nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc thực thi và tuân thủ Chuẩn mực kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp ở Việt Nam. Tác giả sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá để kiểm định mối liên hệ giữa việc thực thi, tuân thủ Chuẩn mực kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi ích áp dụng cho các doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc thực thi và tuân thủ Chuẩn mực kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp có quan hệ tỷ lệ thuận với lợi ích mà chuẩn mực kế toán mang lại cho các doanh nghiệp.

• Từ khóa: Thuế thu nhập doanh nghiệp, chuẩn mực kế toán thuế, thanh tra, kiểm tra, doanh nghiệp.

Chuẩn mực kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp (VAS 17) được ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính được hướng dẫn theo Thông tư số 20/2006/TT- BTC về cơ bản đã làm thay đổi bản chất của thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN). Lần đầu tiên Việt Nam có một chuẩn mực kế toán quy định và hướng dẫn một cách đầy đủ, cụ thể và chi tiết phù hợp với thông lệ kế toán quốc tế về các nguyên tắc và phương pháp kế toán thuế TNDN. Việc thực thi và tuân thủ đúng theo tinh thần của VAS 17 cung cấp thông tin trên báo cáo tài chính minh bạch và đầy đủ, hữu ích cho việc ra quyết định kinh tế của các đối tượng cần sử dụng.

Tuy nhiên, việc ban hành các chuẩn mực kế toán và thực thi cũng như tuân thủ thường gặp nhiều khó khăn, trở ngại nhất định (Dona L. Street & cộng sự (2002)). Bên cạnh đó, việc tồn tại song song giữa chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán hiện nay sẽ phát sinh những xung khắc, vì mục đích, bản chất của chuẩn mực và chế độ kế toán có nhiều sự khác biệt (Nguyễn Công Phương, 2013). Vận dụng chuẩn mực kế toán nói chung và VAS 17 nói riêng vào thực tế sẽ gặp những khó khăn nhất định do bối cảnh kinh tế - xã hội khác nhau (Thanh Đoàn, 2009).

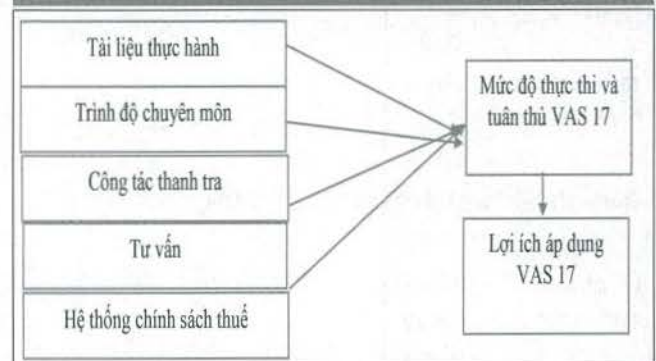
Để khắc phục những khó khăn, hạn chế trên, tác giả xây dựng và kiểm định các thang đo ảnh hưởng đến việc thực thi và tuân thủ VAS 17; làm rõ câu hỏi nghiên cứu những nhân tố ảnh hưởng tới việc thực thi và tuân thủ VAS 17 để từ đó có cơ sở đưa ra một

số gợi ý giải pháp nhằm hoàn thiện VAS 17 về mặt lý luận và ứng dụng vào thực tiễn hiện nay.

Khuôn khổ lý thuyết và mô hình nghiên cứu

Chuẩn mực kế toán bao gồm các khái niệm, nguyên tắc được chấp nhận rộng rãi, không có hệ thống tài khoản kế toán, chứng từ và báo cáo tài chính chuẩn tắc. Hay nói cách khác, chuẩn mực kế toán thường bao gồm đo lường và trình bày thông tin báo cáo tài chính. Theo đó, đo lường là việc xác định các nguyên tắc xác định giá trị của kế toán; trình bày thông tin báo cáo tài chính là công bố thông tin ra bên ngoài cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng thông tin kế toán. Mỗi một chủ đề cụ thể sẽ được gắn liền với một chuẩn mực kế toán. Khi vận dụng chuẩn mực kế toán đòi hỏi người làm kế toán phải có những khả năng phán đoán, ước tính, phân tích và đánh giá các sự việc có thể xảy ra để lựa chọn

HÌNH 1: MÔ HÌNH CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC THỰC THI VÀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN THUẾ TNDN



Nguồn: Nghiên cứu của tác giả

chính sách kế toán phù hợp.

Dựa trên các kết quả nghiên cứu của Chow & Wong-Boren (1987), Dona L. Street, Sidney J. Gays (2002), Trần Đình Khôi Nguyễn (2011) và Nguyễn Công Phương (2013), đồng thời dựa trên kết quả nghiên cứu định tính thông qua việc phỏng vấn các chuyên gia, giảng viên giảng dạy các trường đại học, kế toán trưởng, kế toán viên có nhiều năm kinh nghiệm và chuyên gia lĩnh vực thuế, tác giả có thể khái quát 5 nhân tố ảnh hưởng đến thực thi và tuân thủ chuẩn mực kế toán tại các DN ở Việt Nam như sau:

- Tài liệu hướng dẫn thực hành: Trần Đình Khôi Nguyễn (2011) và (2013) đã có nghiên cứu tài liệu hướng dẫn thực hành ảnh hưởng đến vận dụng chuẩn mực kế toán tại Đà Nẵng.

- Trình độ học vấn của kế toán viên (Trình độ giáo dục): Vói Street (2002). Joshi, P.L và Cộng sự (2002), Fatma Zehria, Jamel Chouaibib (2013), Luder (1992), Phetphrairin & Judy (2011), Harun & Haryono (2012), Ouda (2008) thì sự hỗ trợ chuyên môn của các chuyên gia quốc tế, chuyên viên kế toán và chính sách tuyển dụng và đào tạo nhân viên kế toán có tác động rất lớn đến vận dụng và cải cách chính sách kế toán.

- Hệ thống thuế TNDN: Phạm Thị Bích Vân (2012), Bùi Thị Mỹ Ngân (2012), Trần Đình Khôi Nguyễn (2012), đã có các nghiên cứu về ảnh hưởng của chi phí thuế TNDN đến sự lựa chọn chính sách kế toán của DN.

- Vai trò của các công ty kiểm toán hoặc các chuyên gia trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán: Al-Baskeki (1995), Keasey và Short (1990) cho rằng, DN kiểm toán có ảnh hưởng đáng kể đến quyết định của công ty trong việc lựa chọn chuẩn mực kế toán nếu một DN được kiểm toán bởi một trong các hãng kiểm toán lớn như: Price Waterhouse - Cooper, Earnst & Young, Deloitte & Touche và KPMG.

- Sự giám sát chế tài của các cơ quan chức năng: Với nghiên cứu của Trần Đình Khôi Nguyễn (2013), có đến 71% cơ quan thuế, 61% các DN cho rằng thiếu sự giám sát chế tài của các cơ quan chức năng dẫn đến kế toán hiểu sai vai trò thông tin kế toán cụ thể là chuẩn mực kế toán hiện nay.

Như vậy, có thể tóm lược 5 nhân tố ảnh hưởng đến việc thực thi và tuân thủ chuẩn mực kế toán tại các DN Việt Nam (Hình 1). Năm nhân tố trên được kết hợp ảnh hưởng đến việc thực thi và tuân thủ chuẩn mực kế toán thuế TNDN và tác động của nó là đem lại lợi ích của việc áp dụng chuẩn mực kế toán thuế TNDN.

Phương trình ước lượng có dạng tổng quát:

$$HICM = \beta_0 + \beta_1F1 + \beta_2F2 + \beta_3F3 + \beta_4F4 + \beta_5F5$$

BẢNG 1: HỆ SỐ THANG ĐO CRONBACH'ALPHA

Thang đo	Trung bình của thang đo nếu loại biến	Phương sai của thang đo nếu loại biến	Tương quan biến-Tổng hiệu chỉnh	Cronbach's Alpha nếu loại biến	
Hệ số thang đo Cronbach's Alpha -Trình độ chuyên môn (TDCM) : 0.799					
Trình độ chuyên môn (TDCM)	TDCM1	7.41	1.242	0.623	0.751
	TDCM2	7.3	1.314	0.664	0.707
	TDCM3	7.31	1.273	0.648	0.722
Hệ số thang đo Cronbach's Alpha -Công tác thanh tra (CTTT): 0.84					
Công tác thanh tra (CTTT)	CTTT4	10.86	3.603	0.671	0.799
	CTTT5	10.88	3.452	0.701	0.786
	CTTT6	10.86	3.425	0.653	0.807
	CTTT7	10.9	3.469	0.671	0.799
Hệ số thang đo Cronbach's Alpha -Tư vấn (TVAN): 0.62					
Tư vấn (TVAN)	TVAN8	14.23	4.567	0.532	0.488
	TVAN9	15.36	5.731	0.014	0.788
	TVAN10	14.35	4.457	0.564	0.47
	TVAN11	14.38	4.498	0.544	0.48
	TVAN12	14.4	5.164	0.429	0.548
Cronbach's Alpha -Hệ thống chính sách thuế (HTCS) : 0.603					
Hệ thống chính sách thuế (HTCS)	HTCS13	7.16	1.488	0.612	0.28
	HTCS14	7.14	1.476	0.6	0.286
	HTCS15	7.6	1.418	0.185	0.964
Cronbach's Alpha Tài liệu thực hành (TLTH) : 0.902					
Tài liệu thực hành (TLTH)	TLTH16	10.48	4.132	0.869	0.846
	TLTH17	10.5	4.031	0.9	0.835
	TLTH18	10.9	3.871	0.596	0.969
	TLTH19	10.48	4.14	0.866	0.847
Cronbach's Alpha - (Lợi ích chuẩn mực) : 0.804					
Lợi ích chuẩn mực	LICM20	11.45	4.155	0.508	0.803
	LICM21	11.27	3.577	0.572	0.778
	LICM22	11.28	3.322	0.662	0.732
	LICM23	11.36	3.316	0.746	0.69

Nguồn: Kết quả thống kê trên SPSS



BẢNG 2: KMO VÀ BARTLETT'S TEST

Kaiser-Meyer-Olki Measure of Sampling Adequacy.		.882
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	271.282
	Df	136
	Sig.	0.000

Nguồn: Kết quả thống kê trên SPSS

Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, tác giả đã kế thừa kết quả nghiên cứu của Trần Đình Khôi Nguyên (2011) và Dona L. Street, Sidney J. Gays (2002), đồng thời tác giả đã sử dụng cách tiếp cận dựa vào lý thuyết của các nghiên cứu trước đây và các nghiên cứu định tính thông qua phỏng vấn chuyên gia để đề xuất mô hình nghiên cứu. Bên cạnh đó, tác giả kết hợp với phương pháp quy nạp để kiểm chứng, điều chỉnh, bổ sung để đưa ra mô hình nghiên cứu.

Phân tích dữ liệu nghiên cứu

- Kiểm định thang đo: Để đưa vào kiểm định dữ liệu nghiên cứu, sau khi khảo sát, tác giả phải tổng hợp dữ liệu từ kết quả khảo sát. Để tổng hợp được dữ liệu, cần đặt ký hiệu cho các biến, đưa vào kiểm định.

Phân tích nhân tố khám phá

- Kiểm định KMO và Bartlett's

Nhìn vào kết quả Bảng 2, ta có hệ số KMO đạt 0.882, mà theo điều kiện $0.5 < KMO < 1$, mô hình phân tích mới được coi là phù hợp với nhân tố đề ra. Như vậy, mô hình phân tích trên được coi là phù hợp. Tác giả tiếp tục kiểm định tương quan biến.

- Kiểm định tương quan biến

Kết quả trong Bảng 2: Kiểm định Bartlett's Test of Sphericity có Sig = 0.000 < 0.05. Với kết quả đó, chúng ta giả thiết H_0 là các biến không có tương quan với nhau đã bị bác bỏ và các biến có tương quan tuyến tính với nhân tố đại diện.

Việc kiểm định KMO và Bartlett's Test of Sphericity trên ta thấy việc phân tích nhân tố các nhân tố ảnh hưởng đến việc thực thi và tuân thủ chuẩn mực kế toán thuế TNDN là phù hợp.

- Kiểm định mức độ giải thích của các biến quan sát đối với nhân tố

Phân tích hồi quy đa biến

- Kiểm định hệ số hồi quy

Số liệu trong Bảng 4 có kết quả Sig < 0.05, Như vậy, các thang đo C1- trình độ chuyên môn, C2- Công tác thanh tra kiểm tra, C3 - Tư vấn bên trong-bên ngoài, C4- Hệ thống chính sách thuế, C5-Tài

BẢNG 3: TỔNG PHƯƠNG SAI ĐƯỢC GIẢI THÍCH (TOTAL VARIANCE EXPLAINED)

Component	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings			Rotation Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	7.355	43.264	43.264	7.355	43.264	43.264	3.252	19.129	19.129
2	1.959	11.526	54.789	1.959	11.526	54.789	2.826	16.625	35.755
3	1.384	8.144	62.933	1.384	8.144	62.933	2.581	15.185	50.939
4	1.174	6.903	69.836	1.174	6.903	69.836	2.215	13.027	63.966
5	1.014	5.965	75.801	1.014	5.965	75.801	2.012	11.834	75.801
6	0.595	3.498	79.298						
7	0.544	3.203	82.501						
8	0.522	3.072	85.573						
9	0.474	2.789	88.362						
10	0.425	2.501	90.863						
11	0.413	2.431	93.294						
12	0.335	1.971	95.266						
13	0.319	1.877	97.143						
14	0.262	1.539	98.682						
15	0.096	0.564	99.246						
16	0.065	0.383	99.629						
17	0.063	0.371	100						

Nguồn: Kết quả thống kê trên SPSS

BẢNG 4: HỆ SỐ HỒI QUY (COEFFICIENTSA)

Coefficientsa												
Model	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients Beta	T	Sig.	95.0% Confidence Interval for B		Correlations			Collinearity Statistics	
	B	Std. Error				Lower Bound	Upper Bound	Zero-order	Partial	Part	Tolerance	VIF
(Constant)	-1.43	0.728		-1.966	0.051	-2.864	0.003					
C1	0.396	0.073	0.261	5.441	0	0.253	0.54	0.691	0.337	0.194	0.549	1.821
C2	0.163	0.044	0.161	3.654	0	0.075	0.25	0.578	0.234	0.13	0.652	1.533
C3	0.318	0.055	0.257	5.758	0	0.209	0.427	0.631	0.354	0.205	0.638	1.567
C4	0.331	0.087	0.161	3.79	0	0.159	0.503	0.557	0.242	0.135	0.703	1.422
C5	0.258	0.041	0.278	6.223	0	0.176	0.339	0.654	0.379	0.222	0.637	1.571

Nguồn: Kết quả thống kê trên SPSS

BẢNG 5: TÓM TẮT MÔ HÌNH

Model Summaryb											
Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Change Statistics					Durbin-Watson	
					R Square Change	F Change	df1	df2	Sig. F Change		
1	.841a	0.707	0.701	1.33943	0.707	111.507	5	231	0	1.719	

Nguồn: Kết quả thống kê trên SPSS

liệu thực hành có mối tương quan và có ý nghĩa độ tin cậy 99%.

- Kiểm định mức độ phù hợp của mô hình

Sau khi kiểm định mức độ tương quan giữa các biến và ý nghĩa độ tin cậy. Cần kiểm tra mức độ phù hợp của mô hình và phân tích phương sai (Anova).

Kết quả trong Bảng 5: Có $R^2 = 0.707$, điều này có nghĩa 71% lợi ích của VAS 17 được giải thích bởi các biến độc lập như trình độ chuyên môn, công tác thanh tra, tư vấn bên trong bên ngoài, hệ thống chính sách thuế, tài liệu thực hành còn lại 29% là do các nhân tố khác tác động đến việc thực thi và tuân thủ VAS 17 mà tác giả chưa đề cập được trong nghiên cứu của mình.

Thảo luận kết quả nghiên cứu

Kết luận 1:

Phân tích mối tương quan các nhân tố và phân tích mô hình hồi quy tuyến tính về các nhân tố ảnh hưởng đến việc thực thi và tuân thủ VAS 17 nhằm đem lại lợi ích cho DN, một số kết luận được rút ra như sau: Có 5 nhân tố tác động đến việc thực thi và tuân thủ VAS 17 đối với DN: (i) Tài liệu thực hành; (ii) Trình độ chuyên môn; (iii) Tư vấn trực tiếp bên trong, bên ngoài; (iv) Hệ thống chính sách thuế; (5) Công tác thanh tra, kiểm tra. Như vậy, để nâng cao tính hữu ích của VAS 17 cần tập trung tạo điều kiện

để 5 nhân tố này phát huy hết tác dụng và đem lại sự hài lòng cho DN khi vận dụng VAS 17.

Kết luận 2:

Số liệu trong (Bảng 6) hệ số B đã chuẩn hóa của các biến độc lập trong mô hình hồi quy các biến trình độ chuyên môn, công tác thanh tra, kiểm tra, tư vấn trực tiếp bên trong, bên ngoài, hệ thống chính sách thuế, tài liệu thực hành

Tài liệu thực hành đứng thứ nhất với 24,9%; trình độ chuyên môn 23,3% đứng thứ hai; tư vấn bên trong, bên ngoài đứng thứ 3 với 23%; công tác thanh tra, kiểm tra đứng thứ 4 với 14,4%; hệ thống chính sách thuế đứng thứ 5 với 14%. Thứ tự các yếu tố ảnh hưởng đến thực thi và tuân thủ VAS 17 là tài liệu thực hành, trình độ chuyên môn, tư vấn bên trong bên ngoài, công tác thanh tra kiểm tra, hệ thống chính sách thuế.

Một số đề xuất từ kết quả nghiên cứu

Về phía cơ quan ban hành chế độ

Cơ quan quản lý cần cập nhật kiến thức định kỳ cho người làm công tác kế toán; Nên tổ chức nhiều hơn các buổi hội thảo chuyên sâu về thuế TNDN và cập nhật kịp thời IAS 12 cho người làm kế toán để hòa nhập với xu hướng chung của thế giới.

Cần quy định yêu cầu kế toán phải có chứng chỉ

BẢNG 6: HỆ SỐ HỒI QUY CHUẨN HÓA

Biến	Hệ số hồi quy chuẩn hóa (Giá trị tuyệt đối)	Tỷ lệ (%)
Trình độ chuyên môn	0.261	23.30%
Công tác thanh tra	0.161	14.40%
Tư vấn bên trong – bên ngoài	0.257	23%
Hệ thống chính sách thuế	0.161	14%
Tài liệu thực hành	0.278	24.90%

Nguồn: Kết quả thống kê trên SPSS

hành nghề kế toán. Hành nghề kế toán và dịch vụ kế toán hiện nay tại Việt Nam cũng không còn mới mẻ, xong việc tổ chức vẫn còn nhiều bất cập. Đồng thời, đưa ra những quy định cụ thể bắt buộc về việc kiểm toán đối với các công ty có quy mô lớn hoặc cả với những công ty có quy mô vừa và nhỏ để nâng cao chất lượng thông tin báo cáo tài chính.

Doanh nghiệp cần phải thực hiện việc lập báo cáo tài chính đúng quy định của Bộ Tài chính. Các chỉ tiêu trong báo cáo tài chính liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp phải được trình bày đầy đủ, kịp thời, trung thực và hợp lý, tránh trường hợp các thông tin liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp bị bỏ sót gây thiệt hại cho doanh nghiệp.

Về phía doanh nghiệp

Thực hiện đúng chế độ chứng từ kế toán trong VAS 17 và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về chế độ kế toán DN. DN phải ghi chép đầy đủ, trung thực kịp thời các hoạt động liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của DN và lưu trữ sổ sách kế toán theo đúng chế độ kế toán của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cần phải thực hiện việc lập báo cáo tài chính đúng quy định của Bộ Tài chính, các chỉ tiêu trong báo cáo tài chính liên quan đến thuế TNDN phải được trình bày đầy đủ, kịp thời, trung thực và hợp lý, tránh trường hợp các thông tin liên quan đến thuế TNDN bị bỏ sót gây thiệt hại cho DN.

Bên cạnh đó, cần tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn miễn phí cho nhân viên kế toán góp phần nâng cao kiến thức mới về kế toán đặc biệt trong lĩnh vực chuẩn mực thuế TNDN.

Về phía người làm công tác kế toán

Nghề kế toán cần có tính chuyên nghiệp hơn, khả năng vận dụng chế độ kế toán ở các DN sẽ tốt hơn, và kỳ vọng chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính sẽ cao hơn. Vì vậy, cần chú trọng vào việc

đào tạo chuyên môn, tư cách đạo đức, phẩm chất của người làm công tác kế toán.

Trình độ chuyên môn của người làm công tác kế toán cần phải được nâng cao từ khi còn học trong trường. Người làm kế toán phải có trách nhiệm tự nâng cao trình độ chuyên môn và phẩm chất đạo đức cho bản thân và không ngừng trau dồi kiến thức, cập nhật thông tin liên quan hệ thống văn bản kế toán nói chung và chuẩn mực kế toán nói riêng.

Về nâng cao vai trò tổ chức nghề nghiệp kế toán và kiểm toán

Vai trò của tổ chức nghề nghiệp như công ty dịch vụ kế toán, kiểm toán, hội kế toán kiểm toán. Đây chính là kênh thuận lợi tốt nhất giúp các DN nhận thức được tầm quan trọng của chuẩn mực kế toán và những hạn chế khi vận dụng VAS 17 vào thực tiễn. Các tổ chức nghề nghiệp này sẽ giúp DN nâng cao nghiệp vụ chuyên môn hơn trong công tác kế toán thuế TNDN. Đặc biệt, các tổ chức này cũng giúp cho việc đổi mới và cải cách kế toán Việt Nam ngày càng tiến xa hơn trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

Về hiệu quả, hiệu lực của công tác thanh tra, kiểm tra thuế

Công tác thanh tra, kiểm tra thuế của cơ quan thuế phải được thực hiện công bằng, công khai và minh bạch. Mục đích của việc thanh tra, kiểm tra thuế là giúp cho DN nhận thức được tầm quan trọng của hành vi không tuân thủ quy định pháp luật thuế như hành vi trốn thuế, cố tình gian lận thuế, mặt khác giúp DN thể hiện được vai trò của mình đối với xã hội thông qua việc đóng thuế TNDN.

Tài liệu tham khảo:

1. Bùi Thị Mỹ Ngân (2012), "Ảnh hưởng của chính sách thuế TNDN đến việc áp dụng chế độ, chuẩn mực kế toán tại Việt Nam trong các công ty niêm yết tại Việt Nam", Luận văn Thạc sĩ kinh tế, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;
2. Phạm Thị Bích Vân (2012), "Nghiên cứu ảnh hưởng thuế TNDN đến sự lựa chọn chính sách kế toán của các DN trên địa bàn thành phố Đà Nẵng", Luận văn Thạc sĩ quản trị kinh doanh, Đại học Đà Nẵng;
3. Trần Đình Khôi Nguyên (2011), "Các nhân tố ảnh hưởng vận dụng chuẩn mực kế toán trong các DN nhỏ và vừa tại Đà Nẵng", Phát triển kinh tế (1859-1116), Số: 252;
4. Trần Đình Khôi Nguyên (2012), "Chính sách kế toán trong DN", Phát triển kinh tế (1859-1116), Số: 260;
5. Trần Đình Khôi Nguyên (2013), "Bàn về các thang đo phi tài chính về các nhân tố ảnh hưởng đến vận dụng chuẩn mực kế toán (Non-financial measures for the determinants of VAS employment: a new perspective)", Tạp chí phát triển kinh tế 2013;
6. Nguyễn Công Phương, (2013), "Về mô hình chuẩn mực - chế độ kế toán của Việt Nam", Tạp chí Kinh tế và Phát triển, 194 (1).